

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18-12-2025

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Dương

Ông Trương Văn Mên

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Đào Trang, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Nhẹ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 119/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị P, sinh ngày 11/04/1989; Cư trú: ấp L, xã H, tỉnh Vĩnh Long (Yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn A, sinh ngày 06/04/1979; Cư trú: ấp G, xã N, tỉnh Vĩnh Long (Yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/9/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày: Vào năm 2017 chị và anh Trần Văn A do quen biết, qua một thời gian tìm hiểu và được hai bên gia đình đồng ý nên chị và anh A tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của người Việt Nam nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, quan tâm chăm sóc lẫn nhau được một thời gian thì mâu thuẫn do bất đồng về lối sống và tính tình hai người không hợp nhau trong cách sống sinh hoạt hàng ngày vợ chồng nên chị và anh A thường xuyên cãi nhau, đến đầu năm 2025 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị và anh A sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh A cũng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, chị yêu cầu ly

hôn với anh Trần Văn A. Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Chị và anh A tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Chị và anh A có nợ anh Lê Hữu B đã được Tòa án giải quyết xong trong vụ án khác. Ngoài ra chị và anh A không còn nợ ai khác nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/10/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Văn A trình bày: Anh có lời trình bày như chị Nguyễn Thị P về quá trình quen biết, kết hôn, mâu thuẫn gia đình và con chung. Nay, anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị P. Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Anh với chị P tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Anh với chị P có nợ anh Lê Hữu B đã được Tòa án giải quyết xong trong vụ án khác. Ngoài ra, anh với chị P không còn nợ ai khác nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Vào năm 2017 chị P và anh A tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đủ điều kiện kết hôn mà không đăng ký kết hôn nên hôn nhân không có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay. Quá trình chung sống anh chị không có con chung. Về phần tài sản chung, nợ chung anh chị đã tự thỏa thuận giải quyết bằng một vụ án khác nên không xem xét. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn A là vợ chồng; Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Chị P và anh A tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí nguyên đơn chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị P yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh A nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp

trong vụ án này là “Tranh chấp ly hôn” và bị đơn cư trú tại ấp G, xã N, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn A vắng mặt tại phiên tòa có đơn xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn A bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục Việt Nam, đủ điều kiện kết hôn nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, quan hệ giữa chị P và anh A không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng. Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị P và anh A.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị P và anh A xác định không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị P và anh A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài nợ chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn A xác định có khoản nợ chung đối với ông Lê Hữu B. Tuy nhiên, khoản nợ này đã được Tòa án giải quyết xong bằng Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số: 60/2025/QĐCNHGĐT-DS ngày 13/11/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long và hiện không còn tranh chấp. Ngoài khoản nợ nêu trên, chị P và anh A xác định không còn nghĩa vụ chung về tài sản đối với cá nhân, tổ chức nào khác, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết thêm.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị P là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo quy định của pháp luật.

[8] Từ các nhận định và phân tích trên, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị P; Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và các điều 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị P.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn A.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn A xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn A tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Trần Văn A xác định không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004639 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị Nguyễn Thị P đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Án xử sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 13 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Hiệp Mỹ;
- UBND xã Nhị Trường;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mộng Tiền